

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

ĐỀ ÁN
THÀNH LẬP QUỸ ĐẦU TƯ
MẠO HIỂM THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Hải Phòng, tháng 10 năm 2025

PHẦN I CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ chính trị

- Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định *“Xây dựng thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm quản lý, nghiên cứu, phát triển khoa học - công nghệ biển của cả nước. Nâng cấp một số cơ quan nghiên cứu khoa học viện, y học biển, cơ sở nghiên cứu khoa học và đào tạo do các bộ quản lý trên địa bàn thành phố ngang tầm trọng điểm quốc gia. Có cơ chế chính sách thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thành phố Hải Phòng”*.

- Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, tại mục 2, phần III Nhiệm vụ, giải pháp:

“2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số....

- Có cách tiếp cận mở, vận dụng sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra. Chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo. Có cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới có sự giám sát của Nhà nước; có chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan. Hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số.”

2. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

- Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

- Điều 40, Luật Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025;

- Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật doanh nghiệp;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển của thành phố Hải Phòng;

Khoản 8 Điều 7. Về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo

8. Quỹ đầu tư mạo hiểm của Thành phố:

a) Thành phố được thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm để đầu tư vốn vào các dự án công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nhằm hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ;

b) Quỹ đầu tư mạo hiểm được bố trí vốn điều lệ từ ngân sách Thành phố, được nhận tài trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn của Quỹ đầu tư mạo hiểm được thực hiện theo nguyên tắc thị trường, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí và chấp nhận rủi ro;

c) Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng Đề án thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm trình Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt, trong đó xác định rõ hình thức tổ chức hoạt động của Quỹ; thời gian hoạt động của Quỹ; đối tượng được nhận hỗ trợ; đối tượng được đầu tư vốn; mức hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách Thành phố; phương thức đầu tư, đối tượng hợp tác, nhận vốn đầu tư; cơ chế tái đầu tư, cơ chế đánh giá, kiểm soát rủi ro, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, phân bổ, sử dụng Quỹ đầu tư mạo hiểm của Thành phố;

d) Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt đề án, quy định cơ chế tổ chức hoạt động của Quỹ đầu tư mạo hiểm, trách nhiệm kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả thực hiện, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập, ban hành điều lệ, quy chế đầu tư của Quỹ đầu tư mạo hiểm;

đ) Miễn trách nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sử dụng vốn từ Quỹ đầu tư mạo hiểm để đầu tư vốn vào các dự án công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nhằm hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ trong trường hợp đã thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định về đầu tư, không tư lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng có thiệt hại do nguyên nhân khách quan.

- Nghị định số 264/2025/NĐ-CP ngày 15/10/2025 của Chính phủ quy định về Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia và quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương;

- Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 18/8/2025 của UBND thành phố Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 226/2025/QH15 của Quốc Hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng.

II. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP QUỸ ĐẦU TƯ MẠO HIỂM THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

1. Thực trạng

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, việc thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là yếu tố then chốt để nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững Thành phố Hải Phòng, với lợi thế là trung tâm kinh tế - công nghiệp phía Bắc, cửa ngõ ra biển của cả nước, đang đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (startup) và doanh nghiệp công nghệ tại Hải Phòng thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn đầu tư ở giai đoạn đầu (seed, early-stage) do rủi ro cao. Việc thành lập một Quỹ Đầu tư mạo hiểm sẽ là cầu nối quan trọng, cung cấp nguồn lực tài chính và trí tuệ để biến các ý tưởng sáng tạo thành những sản phẩm, dịch vụ có giá trị thương mại, góp phần hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược của thành phố.

2. Tính cấp thiết

Trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng phụ thuộc vào tri thức và đổi mới sáng tạo, các quốc gia, địa phương có định hướng phát triển bền vững đều chú trọng xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp, đặc biệt là khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Hải Phòng trở thành thành phố đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; động lực phát triển của vùng Bắc Bộ và của cả nước; có công nghiệp phát triển hiện đại, thông minh, bền vững; kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận lợi với trong nước và quốc tế bằng cả đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không; trọng điểm dịch vụ

logistics; trung tâm quốc tế về giáo dục, đào tạo, nghiên cứu ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, trở thành trung tâm quản lý, nghiên cứu, phát triển công nghệ biển của cả nước, kinh tế biển.

Tuy nhiên, một trong những rào cản lớn nhất đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo chính là khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn, đặc biệt là vốn đầu tư mạo hiểm giai đoạn sớm. Trong khi đó, các nhà đầu tư tư nhân thường dè dặt do rủi ro cao, thiếu thông tin, thiếu các công cụ hỗ trợ quản trị đầu tư.

Trên cơ sở đó, việc thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm có yếu tố nhà nước tại thành phố Hải Phòng là cần thiết nhằm:

- Cung cấp nguồn vốn chiến lược và hỗ trợ phi tài chính (đào tạo, cố vấn, kết nối quốc tế), giúp các dự án công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phát triển sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh, và đóng góp vào tăng trưởng kinh tế hai con số.

- Thúc đẩy hình thành, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, kết nối các thành phần: trường đại học, viện nghiên cứu, nhà đầu tư, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và đối tác quốc tế, đặc biệt tại Khu Thương mại tự do, gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng.

Như vậy việc UBND Thành phố tham mưu trình HĐND Thành phố phê duyệt đề án thành lập Quỹ Đầu tư mạo hiểm thành phố Hải Phòng làm cơ sở thúc đẩy đầu tư vốn vào để tạo đột phá trong phát triển Thành phố là cần thiết.

III. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1. Đầu tư mạo hiểm là hoạt động đầu tư thông qua việc góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoặc thành lập, góp vốn vào quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

2. Chiến lược đầu tư của quỹ là tập hợp các định hướng, nguyên tắc và tiêu chí được quỹ xác lập nhằm lựa chọn, triển khai và quản lý các khoản đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoặc đối tượng đầu tư khác phù hợp với mục tiêu của quỹ, trong đó xác định phạm vi ngành nghề, giai đoạn phát triển của doanh nghiệp, địa bàn đầu tư, tỷ lệ nắm giữ vốn, mức độ chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận, phương thức đầu tư và phương thức thoái vốn.

3. Điều lệ quỹ là điều lệ công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp điều chỉnh toàn bộ hoạt động của quỹ, trong đó xác lập quyền và nghĩa vụ của các nhà đầu tư, bộ máy quản lý, vận hành quỹ và các bên liên quan trong quá trình huy động, quản lý và sử dụng vốn đầu tư mạo hiểm.

4. Ngưỡng rủi ro của quỹ là giới hạn tối đa của tổng mức tổn thất phát sinh từ hoạt động đầu tư được xác định trong chiến lược đầu tư hoặc kế hoạch đầu tư, trên cơ sở tổng thể danh mục đầu tư và trong một chu kỳ đầu tư.

5. Chu kỳ đầu tư của quỹ đầu tư mạo hiểm (chu kỳ đầu tư) là quá trình hoạt động tuần tự của quỹ, bao gồm các giai đoạn từ huy động vốn, tìm kiếm, đầu tư vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, quản lý và phát triển danh mục đầu tư cho đến khi thoái vốn thành công để hiện thực hóa kỳ vọng lợi nhuận và phân phối lợi nhuận cho các nhà đầu tư.

6. Danh mục đầu tư của quỹ đầu tư mạo hiểm là tập hợp các khoản đầu tư mà quỹ đã đầu tư hoặc cam kết đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoặc vào quỹ đầu tư khác được xác định phù hợp với chiến lược đầu tư, kế hoạch đầu tư hằng năm và Điều lệ quỹ nhằm mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận và phân tán rủi ro.

7. Công nghệ cao là công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; được tích hợp từ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại; tạo ra sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; có vai trò quan trọng đối với việc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới hoặc hiện đại hóa ngành sản xuất, dịch vụ hiện có.

8. Hoạt động công nghệ cao là hoạt động nghiên cứu, phát triển, tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao; phát triển công nghiệp công nghệ cao.

9. Doanh nghiệp công nghệ cao là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao, có hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao.

10. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ là doanh nghiệp thực hiện hoạt động nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, đổi mới công nghệ, có năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ và mang lại hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường.

11. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp triển khai mô hình kinh doanh sáng tạo, có khả năng tăng trưởng nhanh và mở rộng quy mô thị trường dựa trên khai thác hiệu quả công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ, ý tưởng đột phá hoặc mô hình kinh doanh mới.

PHẦN II

THỰC TRẠNG, MÔ HÌNH TỔ CHỨC CÁC QUỸ ĐẦU TƯ MẠO HIỂM HOẠT ĐỘNG TẠI VIỆT NAM

1. Thực trạng thu hút vốn đầu tư

Dự án công nghệ cao là một dự án đầu tư có mục tiêu ứng dụng, phát triển công nghệ cao để tạo ra sản phẩm, dịch vụ có chất lượng vượt trội, giá trị gia tăng cao. Dự án này phải đáp ứng các tiêu chí về hàm lượng công nghệ cao, sự đổi mới, và thường tập trung vào các lĩnh vực như nghiên cứu khoa học, ương tạo doanh nghiệp công nghệ cao, hoặc sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

Doanh nghiệp công nghệ cao là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao và có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) công nghệ cao.

Doanh nghiệp khoa học và công nghệ (KH&CN) là doanh nghiệp trực tiếp sản xuất, kinh doanh và cung cấp các dịch vụ dựa trên kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là các công ty có khả năng tăng trưởng nhanh, dựa trên việc khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ hoặc mô hình kinh doanh mới để thực hiện ý tưởng đổi mới.

Ở nước ta, chủ trương, quan điểm về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp đã được nêu trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và tiếp tục được khẳng định rõ hơn trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII: *“Xây dựng khung khổ pháp luật, môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số; hỗ trợ, khuyến khích sự ra đời, hoạt động của những lĩnh vực mới, mô hình kinh doanh mới”*.

Ngày 18/5/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 844/QĐ-TTg phê duyệt Đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025. Đây là văn bản đầu tiên trực tiếp quy định cơ chế, chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Năm 2017, Quốc hội đã thông qua Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo bước ngoặt về khung khổ pháp lý cao nhất quy định về nguyên tắc, nội dung, nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có những quy định riêng về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp huy động vốn. Nguồn vốn huy động cho các doanh nghiệp khởi nghiệp gồm: vốn tín dụng có hỗ trợ, bảo lãnh của Nhà nước; vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; vốn hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; vốn hỗ trợ từ miễn giảm các nghĩa vụ phải nộp ngân sách.

Theo báo cáo từ Cento Ventures và Do Ventures, trong năm 2021, Việt Nam thu hút gần 1,4 tỷ USD vốn đầu tư; giảm dần các năm 2022 là 01 tỷ USD/120 thương vụ, năm 2023 là 750 - 800 triệu USD/95 thương vụ và năm 2024 tăng là khoảng 2,3 tỷ USD/141 thương vụ.

Theo thống kê, sau hợp nhất, toàn TP. Hải Phòng có 40 khu công nghiệp (KCN), trong đó 20 KCN của Đông Hải Phòng và 20 KHCN Tây Hải Phòng với tổng diện tích khoảng 11.208 ha. Cùng với đó là 2 khu kinh tế (KKT) gồm KKT Đình Vũ - Cát Hải và KKT ven biển phía Nam Hải Phòng.

Hải Phòng hiện có 43.000 doanh nghiệp tư nhân hoạt động, trong đó có khoảng 260 doanh nghiệp và dự án khởi nghiệp sáng tạo, chiếm khoảng 6.8% tổng số doanh nghiệp và dự án khởi nghiệp trên cả nước (khoảng 3.800 - 4.000 doanh nghiệp). Trong giai đoạn từ năm 2016 đến 2023, các startup tại thành phố Hải Phòng đã thu hút gần 20 tỷ VND vốn qua khoảng 5 vòng gọi vốn.

Tuy vậy, các dự án công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp vẫn gặp phải một số rào cản trong quá trình thu hút vốn đầu tư, cụ thể:

- Về nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước, để tiếp cận nguồn vốn từ các chính sách hỗ trợ, các doanh nghiệp phải thực hiện nhiều thủ tục hành chính với nhiều bước, công đoạn xét duyệt với nhiều loại hồ sơ, giấy tờ. Thực tế này đã làm cản trở không ít đến các dự án công nghệ cao, mô hình doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp.

- Về nguồn vốn tín dụng, các dự án công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp rất khó có thể dùng mô hình kinh doanh, khởi nghiệp hay ý tưởng để làm tài sản đảm bảo khi vay vốn ở ngân hàng, mặc dù pháp luật hiện hành đã cho phép chủ sở hữu quyền tài sản phát sinh từ quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ thông tin, hoạt động khoa học, công nghệ được dùng quyền tài sản đối với đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ; quyền khác trị giá được bằng tiền phát sinh từ quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ thông tin, hoạt động khoa học, công nghệ để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

- Việc huy động vốn trên thị trường chứng khoán tập trung là tương đối khó khăn do các doanh nghiệp khởi nghiệp đa phần có quy mô vừa và nhỏ, chưa phải là công ty đại chúng, đồng thời để trở thành công ty đại chúng và niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung, các doanh nghiệp khởi nghiệp đa phần không đáp ứng được. Còn các dự án công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao chứa nhiều rủi ro.

Nghị quyết số 99/2003/NQ-CP ngày 28/8/2023 cũng đã quy định về Quỹ đầu tư mạo hiểm tại Điều 19, Tuy nhiên những quy định này chưa đáp ứng được yêu cầu về việc hình thành, vận hành Quỹ đầu tư mạo hiểm. Các quy định về thủ tục hành chính trong đầu tư, kế toán và quản lý ngoại hối chưa thực sự thuận lợi để thu hút các quỹ đầu tư mạo hiểm nước ngoài đầu tư nhằm hỗ trợ cho các dự

án công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp thúc đẩy hình thành, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

2. Thực trạng, mô hình tổ chức của các Quỹ Đầu tư mạo hiểm tại Việt Nam

Thị trường đầu tư mạo hiểm (ĐTMH) Việt Nam phát triển tương đối mạnh mẽ trong khoảng 10 năm gần đây. Sau giai đoạn bùng nổ và đạt đỉnh điểm vào năm 2021 với hơn 1,4 tỷ USD đầu tư, thị trường đã chứng kiến sự điều chỉnh đáng kể từ 2022 tới nay. Cụ thể, vốn ĐTMH đã giảm 35,4% và số lượng thương vụ giảm 38,5% so với cùng kỳ trong giai đoạn 2022-2023, với mức giảm khoảng 17% trong năm 2023 so với năm 2022. Sự sụt giảm này phản ánh bối cảnh kinh tế vĩ mô toàn cầu bất ổn và xu hướng gọi vốn chung. Việt Nam vẫn giữ vững vị thế là một trong ba thị trường ĐTMH hàng đầu Đông Nam Á, chỉ sau Singapore và Indonesia. Dù thiếu vắng các vòng gọi vốn lớn và kỳ lân mới, thị trường vẫn cho thấy sự quan tâm vào các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn sớm (Pre-A, Series A), với giá trị trung bình khoản đầu tư vào các vòng này tiếp tục tăng. Các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, Blockchain, công nghệ sâu, công nghệ xanh... đang nổi lên như những điểm đến tiềm năng mới. Hệ sinh thái khởi nghiệp ngày càng trưởng thành (gần 4.000 startup và 02 kỳ lân), cùng với chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) tăng lên hạng 44/132 năm 2024 là nền tảng vững chắc cho sự phát triển.

Mặc dù thị trường ĐTMH tại Việt Nam đã có sự phát triển mạnh trong những năm gần đây, trở thành điểm đến khá hấp dẫn cho các nhà đầu tư trong nước và quốc tế, nhưng so với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á và các nền kinh tế phát triển hơn, quy mô của thị trường ĐTMH tại Việt Nam vẫn còn khiêm tốn¹. Trong số hơn 200 quỹ ĐTMH đang hoạt động tại Việt Nam, chỉ có hơn 30 quỹ được đăng ký thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam², với tổng vốn góp đạt 413 tỷ đồng (tương đương khoảng 16 triệu USD), chiếm chưa đến 5% tổng số vốn ĐTMH hàng năm.

Một số quỹ nổi bật như: CyberAgent Ventures, 500 Startups Vietnam, Vietnam Silicon Valley do Bộ Khoa học và Công nghệ khởi xướng (VSV), Do Ventures, ThinkZone Ventures, Nextrans, VinaCapital Ventures v.v... Các quỹ này chủ yếu đầu tư vào các startup trong lĩnh vực công nghệ thông tin, fintech, giáo dục, y tế và thương mại điện tử. Đặc điểm chung là đầu tư vào các giai đoạn sớm (pre-seed, seed) với khoản đầu tư từ vài trăm nghìn đến vài triệu USD.

¹ Vốn đầu tư mạo hiểm vào Việt Nam có xu hướng giảm từ năm 2021 (đạt cao nhất khoảng 1,4 tỷ USD), các năm gần đây chỉ đạt 500-600 triệu USD. Sự chênh lệch ngày càng rõ rệt khi so sánh với các quốc gia như Singapore, ước tính thu hút khoảng 15 tỷ USD vốn ĐTMH trong năm 2023, Hàn Quốc với khoảng 9 tỷ USD.

² Theo quy định của Nghị định 38/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Tuy nhiên, hoạt động đầu tư mạo hiểm tại Việt Nam vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức như:

- Khung pháp lý về đầu tư mạo hiểm còn chưa đồng bộ, quy định về mô hình quỹ đầu tư mạo hiểm công còn chưa rõ ràng;
- Khó khăn trong việc tiếp cận vốn của các startup giai đoạn đầu do mức độ rủi ro cao;
- Hạn chế trong cơ chế khuyến khích đầu tư mạo hiểm, đặc biệt là ưu đãi thuế cho nhà đầu tư;
- Sự thiếu liên kết giữa các cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học và khu vực tư nhân.

Do vậy, việc hình thành Quỹ Đầu tư mạo hiểm cấp Thành phố là một yêu cầu thiết yếu trong chiến lược phát triển các dự án công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh của Hải Phòng. Quỹ không chỉ giúp giải quyết nút thắt về tài chính cho các dự án công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, mà còn đóng vai trò định hình thị trường, dẫn dắt đầu tư tư nhân và nâng tầm vị thế đổi mới sáng tạo của Thành phố.

PHẦN III

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA

QUỸ ĐẦU TƯ MẠO HIỂM THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

I. MỤC TIÊU CỦA QUỸ ĐẦU TƯ MẠO HIỂM THÀNH PHỐ

1. Mục tiêu tổng quát

Thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm có yếu tố nhà nước tại Thành phố Hải Phòng nhằm xây dựng một công cụ tài chính hiệu quả, đầu tư vốn cho các dự án công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo giúp doanh nghiệp vượt qua giai đoạn đầu khó khăn, thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo phát triển mạnh mẽ, góp phần hiện thực hóa việc xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thành phố có vai trò cung cấp nguồn tài chính cho quỹ, thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp, dẫn dắt chiến lược, hỗ trợ các lĩnh vực ưu tiên và thu hút đầu tư tư nhân vào các dự án tiềm năng.

2. Mục tiêu cụ thể

- Huy động nguồn lực đa dạng từ ngân sách nhà nước, các nhà đầu tư tư nhân, các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế.

- Đầu tư vào các dự án công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có tiềm năng tăng trưởng đột phá, có khả năng giải quyết thách thức về kinh tế, xã hội, môi trường của Thành phố.

- Tăng số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ thông qua các hoạt động đầu tư vốn, hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn quản trị và kết nối thị trường.

- Thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ mới có khả năng cạnh tranh quốc tế và đóng góp vào tăng trưởng kinh tế địa phương.

II. TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Tên gọi: Quỹ Đầu tư mạo hiểm thành phố Hải Phòng (Hai Phong Venture Capital Fund - HPVCF).

2. Địa vị pháp lý (Hình thức hoạt động của Quỹ)

Quỹ Đầu tư mạo hiểm thành phố Hải Phòng (viết tắt là Quỹ) là quỹ do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng **thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp**. Quỹ được cấp vốn điều lệ từ nguồn dự toán chi đầu tư phát triển của thành phố, phần vốn góp từ các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài (nếu có) theo quy định của pháp luật nhằm mục tiêu đầu tư vốn vào các dự án công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thành phố nhằm hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc thị trường, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí vốn và chấp nhận khả năng rủi ro.

3. Thời gian

Thời gian thí điểm hoạt động của Quỹ là 05 năm kể từ ngày cấp thẩm quyền phê duyệt quyết định thành lập; sau 03 năm đầu đánh giá sơ, 05 năm đánh giá tổng kết. Cứ kết quả hoạt động của Quỹ, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng Nhân dân Thành phố quyết định tiếp tục hay chấm dứt hoạt động của Quỹ.

4. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Quỹ được quy định trong Điều lệ quỹ, dự kiến gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Giám đốc.

5. Tổ chức và quyền hạn của Đại hội cổ đông

Quỹ do ngân sách thành phố và các nhà đầu tư tư nhân góp vốn thành lập trên Hợp đồng góp vốn. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ, thực hiện quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ, tương ứng với tỷ lệ vốn góp của từng cổ đông. Đại hội cổ đông có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Quyết định việc góp vốn, thoái vốn của nhà đầu tư tham gia Quỹ;
- Thông qua Điều lệ của Quỹ;
- Lựa chọn công ty quản lý Quỹ;
- Thực hiện quyền hạn theo quy định của pháp luật và điều lệ Quỹ, tương ứng với tỷ lệ vốn góp của từng cổ đông;
- Đề xuất tăng hoặc giảm vốn điều lệ của Quỹ;
- Bầu, giới thiệu thành viên tham gia Hội đồng quản trị;
- Quyết định chiến lược, kế hoạch hoạt động 05 năm, hằng năm của Quỹ;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật có liên quan.

6. Tổ chức của Hội đồng quản trị

a) Hội đồng quản trị được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông, gồm Chủ tịch Hội đồng, các Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng (đại diện phần vốn góp của nhà nước, đại diện của cổ đông và các chuyên gia có kinh nghiệm trong các lĩnh vực). Số lượng thành viên tối thiểu là 03 thành viên, tối đa không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên cụ thể của Hội đồng quản trị sẽ do Điều lệ Quỹ quy định.

b) Hội đồng quản trị của Quỹ có nhiệm vụ, như sau:

- Thực hiện nhiệm vụ đại diện cho quyền lợi của các cổ đông;
- Xây dựng Điều lệ của Quỹ; báo cáo Đại hội cổ đông thông qua;
- Ký kết, đàm phán, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hợp đồng và giám sát hoạt động của công ty quản lý Quỹ. Hợp đồng quản lý Quỹ quy định chi tiết về quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý Quỹ, phí quản lý và các vấn đề liên quan khác;
- Phê duyệt chủ trương đầu tư vào các dự án cụ thể trên cơ sở đề xuất của công ty quản lý Quỹ;
- Quyết định về chiến lược và phương thức thoái vốn cho từng khoản đầu tư, góp vốn;
- Phê duyệt kế hoạch tài chính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ;
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Giám sát, kiểm tra hoạt động của công ty quản lý Quỹ trong việc chấp hành các quy định của pháp luật và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và giám sát việc thực hiện các quyết định đầu tư;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của điều lệ Quỹ.

7. Công ty quản lý Quỹ

Công ty quản lý Quỹ có nghĩa vụ quản lý Quỹ một cách chuyên nghiệp, trung thực, vì lợi ích của nhà đầu tư, tuân thủ pháp luật, Điều lệ của Quỹ và hợp đồng quản lý Quỹ; thực hiện hoạt động đầu tư, góp vốn theo đúng chiến lược và quy trình đã được phê duyệt; báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình quản lý quỹ cho Hội đồng quản trị và các cổ đông và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động quản lý Quỹ.

8. Địa chỉ, bộ máy của Quỹ: do Ủy ban nhân dân thành phố quy định.

III. NGUỒN VỐN HÌNH THÀNH QUỸ

Vốn hình thành Quỹ bao gồm Vốn điều lệ của Quỹ và Vốn góp

1. Vốn điều lệ của Quỹ:

a. Phần vốn nhà nước được cấp từ nguồn dự toán chi đầu tư phát triển của thành phố, thực hiện cấp một lần ngay sau khi thành lập quỹ, với tỷ lệ phần vốn ban đầu được cấp từ ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

Quy mô vốn điều lệ của Quỹ được cấp từ ngân sách thành phố là 500 tỷ VNĐ (Năm trăm tỷ đồng chẵn), thực hiện cấp một lần ngay từ khi thành lập quỹ.

b. Phần vốn góp từ các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật về Điều lệ quỹ.

2. Việc góp vốn, bổ sung vào vốn điều lệ của quỹ, chuyển nhượng phần vốn góp, quản lý và sử dụng phần vốn nhà nước tại quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Căn cứ vào nhu cầu thực tiễn hoạt động của Quỹ, Ủy ban nhân dân đề xuất với Hội đồng nhân dân tăng vốn điều lệ của Quỹ theo quy định.

3. Các khoản tài trợ, viện trợ trong nước và quốc tế, cùng các nguồn vốn hợp pháp khác huy động được, không được tính vào vốn điều lệ của Quỹ, phải được sử dụng đúng mục đích và hạch toán, quản lý riêng biệt với vốn điều lệ Quỹ.

4. Phần vốn góp còn lại từ các nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân trong

nước, nước ngoài đáp ứng điều kiện theo Điều lệ quỹ và được thực hiện thông qua Hợp đồng góp vốn.

IV. CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

1. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ

- Đầu tư các dự án công nghệ cao; góp vốn thành lập, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Trực tiếp đầu tư hoặc cùng đầu tư với các quỹ đầu tư mạo hiểm khác (nếu có) vào các dự án công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng tiêu chí.

- Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Quỹ bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí vốn.

- Cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp về chiến lược kinh doanh, quản trị, tài chính, công nghệ và thị trường.

- Kết nối mạng lưới các nhà đầu tư, chuyên gia, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trong và ngoài nước cho các doanh nghiệp nhận đầu tư.

- Kiểm tra đối với doanh nghiệp sử dụng vốn đầu tư của Quỹ; quyết định dừng, thu hồi vốn đầu tư khi phát hiện tổ chức, doanh nghiệp được đầu tư vi phạm quy định về sử dụng vốn.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn và hoạt động của Quỹ theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Quyền hạn của Quỹ

- Tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động của Quỹ;

- Được thuê các tổ chức, chuyên gia, nhà khoa học và các cá nhân khác để hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ của Quỹ;

- Nguồn tài chính của Quỹ được phép gửi tại ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước.

- Được hợp tác kinh doanh với các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước, quốc tế.

- Yêu cầu doanh nghiệp có dự án nhận đầu tư, góp vốn cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động.

- Tham gia vào quá trình quản trị, điều hành doanh nghiệp có dự án nhận đầu tư theo thỏa thuận.

- Thực hiện thoái vốn theo chiến lược đã được phê duyệt.
- Hưởng lợi nhuận từ hoạt động đầu tư.
- Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của quỹ.

V. CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Đối tượng

- Dự án công nghệ cao thực hiện trên địa bàn thành phố Hải Phòng;
- Doanh nghiệp công nghệ cao; doanh nghiệp khoa học và công nghệ; doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo quy định được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành phố Hải Phòng cấp giấy nhận thành lập doanh nghiệp.

2. Danh mục

Căn cứ danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trọng tâm của thành phố, quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của thành phố, Hội đồng quản trị quy định chi tiết danh mục đầu tư thuộc các lĩnh vực, cụ thể:

- Công nghệ số;
- Công nghệ thông tin và truyền thông;
- Công nghệ sinh học; công nghệ sinh học y dược;
- Công nghệ vật liệu mới;
- Công nghệ chế tạo - tự động hóa;
- Công nghệ môi trường, giảm phát thải các-bon, ứng phó biến đổi khí hậu, năng lượng sạch;
- Công nghệ Robot;
- Khoa học công nghệ biển;
- Các lĩnh vực khác do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

3. Hình thức

Trực tiếp đầu tư, cùng đầu tư với Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, các Quỹ đầu tư mạo hiểm khác vào các dự án công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

4. Nguồn doanh thu của Quỹ bao gồm:

- Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư theo Điều lệ quỹ;
- Lãi tiền gửi tại ngân hàng thương mại đối với nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi giữa các chu kỳ đầu tư, bao gồm cả vốn điều lệ và vốn huy động của quỹ.

- Các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài (nếu có).

5. Các khoản chi hoạt động

- Chi phí cho hoạt động quản lý, điều hành và các hoạt động khác của quỹ được bảo đảm đảm từ khoản trích từ tổng vốn cam kết đầu tư và nguồn doanh thu của quỹ với tỷ lệ hợp lý được xác định theo quy định trong Điều lệ quỹ.

- Chi quản lý, điều hành và các hoạt động khác phục vụ trực tiếp cho hoạt động của quỹ.

- Chi trích lập các quỹ dự phòng rủi ro đầu tư mạo hiểm từ nguồn vốn hoạt động hàng năm của quỹ, bao gồm vốn điều lệ và vốn huy động, theo quy định Điều lệ Quỹ;

- Các khoản chi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

6. Khoản chi và định mức đầu tư

- Đầu tư vốn tối đa không quá 30% kinh phí thực hiện và không quá 30 tỷ VNĐ (*Ba mươi tỷ đồng*) cho 01 dự án công nghệ cao.

- Chi góp vốn thành lập doanh nghiệp

+ Tỷ lệ góp vốn vào mỗi doanh nghiệp tối đa không quá 5% tổng nguồn vốn của Quỹ và không quá 50 tỷ VNĐ (*Năm mươi tỷ đồng chẵn*) cho 01 doanh nghiệp.

+ Giới hạn đầu tư vào các giai đoạn phát triển khác nhau của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

+ Các điều kiện về quyền và nghĩa vụ của quỹ được quy định tại các thỏa thuận đầu tư.

- Chi góp vốn vào Quỹ đầu tư mạo hiểm hoặc Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo khác theo quy định của pháp luật.

7. Thời gian

- Thời gian đầu tư không quá 07 năm cho 01 dự án công nghệ cao; góp vốn không 07 năm cho 01 doanh nghiệp .

- Hội đồng quản lý Quỹ quy định chi tiết thời gian đầu tư đối với từng loại dự án, doanh nghiệp tại Điều lệ Quỹ.

8. Cơ chế tái đầu tư

Quỹ được sử dụng tối đa 50% lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư để tái đầu tư cho các dự án công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

9. Kiểm tra, giám sát, kiểm soát rủi ro

9.1. Cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động sử dụng vốn

- Ngay sau khi ký hợp đồng đầu tư, doanh nghiệp phải lập và gửi kế hoạch sử dụng vốn chi tiết, làm cơ sở cho việc kiểm tra, giám sát định kỳ.
- Công ty quản lý Quỹ tổ chức giám sát theo định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý, kết hợp giữa hình thức:
 - + Báo cáo định kỳ từ doanh nghiệp (về tài chính, tiến độ thực hiện dự án...);
 - + Các cuộc họp kiểm tra trực tiếp tại doanh nghiệp hoặc qua hình thức trực tuyến;
 - + Đối chiếu với các mốc giải ngân đã được quy định trong hợp đồng đầu tư.
- Trong quá trình giám sát, nếu phát hiện có dấu hiệu sai lệch mục tiêu sử dụng vốn, Quỹ có quyền:
 - + Tạm ngừng giải ngân các đợt tiếp theo;
 - + Yêu cầu điều chỉnh kế hoạch kinh doanh hoặc kế hoạch sử dụng vốn;
 - + Trình Hội đồng quản lý xem xét chấm dứt hợp đồng và thu hồi vốn (nếu vi phạm nghiêm trọng).

9.2. Nguyên tắc quản lý rủi ro:

- Tổng mức tổn thất phát sinh từ hoạt động đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong tổng thể danh mục đầu tư và trong một chu kỳ đầu tư không vượt quá ngưỡng rủi ro 50% phần vốn nhà nước trong vốn điều lệ của Quỹ. Phương pháp tính toán mức tổn thất và biện pháp quản lý rủi ro do Quỹ quyết định trên cơ sở các chuẩn mực kế toán được phép áp dụng tại Việt Nam;
- Quỹ định kỳ thực hiện hoặc thuê tổ chức chuyên môn thực hiện đánh giá rủi ro trong hoạt động đầu tư, các loại rủi ro khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và kịp thời áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro phù hợp;
- Định kỳ hàng năm báo cáo về tình hình rủi ro và quản lý rủi ro cho Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia, Ủy ban nhân dân thành phố;
- Quỹ có thể thành lập Ban tư vấn để giám sát, tư vấn về quản lý rủi ro.

10. Quỹ không áp dụng yêu cầu bảo toàn vốn đối với từng dự án, nhiệm vụ, hoạt động đầu tư cụ thể. Hiệu quả đầu tư của Quỹ được đánh giá trên cơ sở tổng thể các hoạt động đầu tư trong chu kỳ đầu tư.

11. Giám sát, báo cáo và đánh giá độc lập

11.1. Các hoạt động của quỹ chịu sự giám sát đánh giá độc lập về rủi ro, hiệu quả đầu tư, tác động xã hội và hiệu quả thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân.

11.2. Cơ chế giám sát, báo cáo và đánh giá độc lập được thực hiện thông qua:

- Doanh nghiệp có trách nhiệm gửi báo cáo định kỳ (theo quý) và báo cáo đột xuất (khi có yêu cầu) về hoạt động sản xuất kinh doanh và tiến độ dự án.

- Quỹ định kỳ hằng năm một lần nhiệm thuê tổ chức tư vấn độc lập, có năng lực và kinh nghiệm chuyên môn để thực hiện đánh giá việc tuân thủ các nguyên tắc quản lý rủi ro và ngưỡng rủi ro đã được phê duyệt, hiệu quả đầu tư của danh mục đầu tư theo chu kỳ, tác động xã hội của các khoản đầu tư của Quỹ, hiệu quả thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân vào các dự án được quỹ đầu tư.

- Báo cáo kết quả hoạt động giám sát và đánh giá độc lập là căn cứ để quỹ thực hiện việc điều chỉnh cần thiết đối với chiến lược, kế hoạch, danh mục đầu tư phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Công ty quản lý Quỹ có trách nhiệm lập và gửi các báo cáo định kỳ (hàng quý, hàng năm) về tình hình hoạt động, kết quả đầu tư, tình hình tài chính, danh mục đầu tư, các chỉ số hiệu suất và các thông tin quan trọng khác cho Hội đồng quản lý.

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm về danh mục đầu tư, tình hình hoạt động, kết quả đầu tư, tình hình tài chính gửi cho tất cả các cổ đông và Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của Điều lệ Quỹ.

- Nhà đầu tư góp vốn thành lập Quỹ được tiếp nhận thông tin, báo cáo về hoạt động của Quỹ theo quy định của Điều lệ Quỹ.

11. Thoái vốn

11.1. Nguyên tắc thoái vốn

- Quỹ không vì mục tiêu lợi nhuận thuần túy, hoạt động theo nguyên tắc thị trường, chấp nhận khả năng rủi ro;

- Việc thoái vốn đúng thời điểm, có cơ chế giám sát việc thoái vốn và đúng phương án đầu tư ban đầu được duyệt;

- Việc đánh giá, định giá đầu tư của Quỹ tại thời điểm thoái vốn phải khách quan, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí vốn;

- Từng dự án theo danh mục có lộ trình thoái vốn cụ thể. Hội đồng quản lý Quỹ quy định lộ trình thoái vốn, quy trình thoái vốn tại Điều lệ Quỹ;

- Hàng năm, Công ty quản lý Quỹ có báo cáo đánh giá định kỳ 6 tháng, cả năm đối với các dự án đầu tư để có Hội đồng quản trị có kế hoạch thoái vốn cụ thể.

11.2. Việc thoái vốn được thực hiện theo các hình thức:

- Bán cổ phần hoặc phần vốn góp cho các nhà đầu tư;
- Bán cổ phần trên thị trường thứ cấp (nếu doanh nghiệp đã niêm yết hoặc có khả năng niêm yết);
- Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng khi doanh nghiệp đạt đủ điều kiện;
- Bán lại cổ phần hoặc phần vốn góp cho đội ngũ sáng lập hoặc các cổ đông hiện hữu khác;
- Sáp nhập, mua lại;
- Các phương thức thoái vốn khác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

11.3. Giá trị thoái vốn

- Việc xác định giá trị thoái vốn bằng tỷ lệ % vốn đầu tư/vốn điều lệ doanh nghiệp nhân với giá trị doanh nghiệp tại thời điểm thoái vốn.
- Giá trị tài sản doanh nghiệp tại thời điểm thoái vốn được thực hiện bởi kiểm toán độc lập.

Cơ chế xử lý lỗ được quy định rõ trong Điều lệ quỹ, đảm bảo sự công bằng và minh bạch giữa các nhà đầu tư. Có thể có các quỹ dự phòng rủi ro để giảm thiểu tác động của các khoản đầu tư thua lỗ.

12. Quy định phân chia lợi nhuận, giải quyết xung đột lợi ích

12.1. Lợi nhuận ròng từ hoạt động đầu tư sau khi trừ đi các chi phí quản lý và các khoản thuế, phí theo quy định được rút lợi nhuận hoặc tiếp tục tái đầu tư theo quy định Điều lệ quỹ.

12.2. Cơ chế xử lý lỗ được quy định rõ trong Điều lệ quỹ, đảm bảo sự công bằng và minh bạch giữa các nhà đầu tư.

12.3. Trường hợp có xung đột lợi ích, các bên giải quyết theo quyết định của Tòa án và pháp luật của Việt Nam quy định.

13. Hiệu quả kỳ vọng

13.1. Tác động tích cực

a) Đối với Nhà nước:

- Góp phần đổi mới tư duy xây dựng và thi hành pháp luật của cơ quan, công chức quản lý nhà nước theo hướng tạo điều kiện pháp lý tối đa thúc đẩy các dự án công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, coi đó là một yêu cầu, một nội dung thiết yếu của Nhà nước, bao gồm cả các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, đặc biệt là của các cơ

quan quản lý nhà nước.

- Thực hiện tốt vai trò “Bà đỡ”, thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ, thương mại hoá sản phẩm công nghệ mới, nhất là công nghệ cao trong các lĩnh vực trọng điểm, phát triển thị trường khoa học công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển thành phố, vùng và cả nước. Thông qua mô hình thử nghiệm có kiểm soát mà công nghệ mới nhanh chóng được thử nghiệm trong thực tế (ở quy mô nhỏ) để kịp thời có thông tin, dữ liệu đánh giá về tính khả thi, hiệu quả, giảm chi phí cơ hội trong trường hợp công nghệ mới có hiệu quả nhưng không được áp dụng do chưa có đủ điều kiện triển khai rộng rãi, mặt khác giảm thiệt hại kinh tế trong trường hợp công nghệ mới không hiệu quả mà đã được áp dụng trong thực tế.

- Cho phép các cơ quan quản lý tìm hiểu thực tế, chia sẻ thông tin công khai, minh bạch giữa các cá nhân, tổ chức và cơ quan quản lý để xác định rõ các vấn đề pháp lý trong quá trình thực hiện, nhất là xác định các rủi ro lớn trước khi chúng có thể xảy ra. Từ đó, từng bước hình thành thể chế/ không gian pháp lý cho thử nghiệm đảm bảo cân nhắc cân bằng lợi ích, rủi ro và trách nhiệm của các bên Nhà nước, doanh nghiệp, người tiêu dùng cùng tham gia thử nghiệm các sản phẩm đổi mới sáng tạo.

b) Đối với tổ chức, doanh nghiệp tham gia và đối với thị trường:

- Gia tăng cơ hội hiện thực hóa ý tưởng thành sản phẩm thương mại, làm chủ công nghệ mới, tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới ưu việt, nâng cao sức cạnh tranh của tổ chức, doanh nghiệp...

- Do được tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước và các nguồn lực xã hội hoá với sự tham gia của các Trung tâm đổi mới sáng tạo, các khu công nghệ cao nên giảm thời gian, chi phí đưa ra thị trường các sản phẩm công nghệ mới, sản phẩm đổi mới sáng tạo; dịch vụ và mô hình kinh doanh mới; qua đó làm tăng cơ hội góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, nhất là vấn đề việc làm chất lượng gắn với thu nhập cao của người lao động.

- Thúc đẩy cạnh tranh trên thị trường khoa học, công nghệ.

- Các tổ chức, doanh nghiệp tham gia được hỗ trợ quản lý rủi ro đối với các sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm đổi mới sáng tạo.

c) Đối với cá nhân, người tiêu dùng, người lao động

- *Người tiêu dùng:* gia tăng cơ hội được tiếp cận sớm các sản phẩm công nghệ, dịch vụ đổi mới sáng tạo mà nếu không có không gian thử nghiệm thì có thể sẽ không bao giờ được tiếp cận; được bảo vệ tránh các nguy cơ, rủi ro tiềm ẩn bằng các biện pháp đã được cơ quan quản lý và tổ chức/doanh nghiệp tham gia trù liệu trong đề án tham gia được phê duyệt.

- *Người lao động*: Sự phát triển các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo sẽ góp phần phát triển thị trường công nghệ, từ đó tạo ra cơ hội đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghề nghiệp cho người lao động, tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao cho thành phố; gia tăng cơ hội việc làm tốt, thu nhập cao, nhờ đó chất lượng cuộc sống của người lao động được đảm bảo và ngày một nâng cao.

13.2. Hiệu quả kỳ vọng

- Đầu tư tối thiểu 30 dự án công nghệ cao; 50 doanh nghiệp (bao gồm doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo) sau 5 năm.

- Tạo ra hệ sinh thái khởi nghiệp lành mạnh, có tính cạnh tranh.
- Góp phần nâng cao tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ cao tại Hải Phòng.

14. Chế độ kiểm toán và công khai thông tin của Quỹ

14.1. Chế độ kiểm toán

- Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

- Báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động của quỹ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi một công ty kiểm toán uy tín, đủ điều kiện và bởi kiểm toán nhà nước theo quy định của pháp luật, do Hội đồng quản trị lựa chọn và phê duyệt.

- Báo cáo kiểm toán phải được công bố cho tất cả các nhà đầu tư và gửi Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

14.2. Công khai thông tin

- Điều lệ Quỹ quy định chi tiết về phạm vi, hình thức và thời điểm công khai thông tin của Quỹ đảm bảo tính minh bạch và bảo vệ quyền lợi của các cổ đông.

- Các thông tin cơ bản về mục tiêu, chiến lược đầu tư, cơ cấu tổ chức, đội ngũ quản lý, quy trình đầu tư và kết quả hoạt động chung của Quỹ có thể được công khai cho các bên liên quan khác theo quyết định của Đại hội cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư cụ thể và thông tin bí mật của doanh nghiệp.

VI. MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

1. Tổ chức, cá nhân quản lý, điều hành quỹ bao gồm tổ chức, cá nhân quyết định tham gia góp vốn, xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược đầu tư, kế hoạch đầu tư, quản lý danh mục đầu tư và các hoạt động của quỹ được miễn

trừ trách nhiệm dân sự, loại trừ trách nhiệm hành chính liên quan đến tổn thất phát sinh từ hoạt động đầu tư nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Tổn thất phát sinh do rủi ro khách quan, không do lỗi cố ý của tổ chức, cá nhân;
- Tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc đầu tư, quy định nội bộ của quỹ và nghĩa vụ minh bạch, trung thực trong quá trình ra quyết định đầu tư;
- Tổ chức, cá nhân đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thẩm định, báo cáo, minh bạch thông tin và xin ý kiến phê duyệt đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ.

2. Rủi ro khách quan quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm, nhưng không giới hạn ở các trường hợp sau:

- Biến động của thị trường tài chính, thị trường công nghệ hoặc các yếu tố vĩ mô nằm ngoài khả năng dự báo hợp lý tại thời điểm ra quyết định đầu tư;
- Chính sách pháp luật thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoặc khả năng thoái vốn của các khoản đầu tư;
- Thảm họa thiên nhiên, dịch bệnh, xung đột địa chính trị hoặc các tình huống bất khả kháng khác gây gián đoạn hoạt động của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được đầu tư hoặc việc thực thi dự án khởi nghiệp sáng tạo;
- Rủi ro khách quan khác ngoài khả năng dự đoán và kiểm soát của tổ chức, cá nhân quyết định tham gia góp vốn, xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược đầu tư, kế hoạch đầu tư, quản lý danh mục đầu tư và các hoạt động của quỹ.

3. Cơ quan quyết định cao nhất của quỹ có trách nhiệm xác nhận dựa trên báo cáo kết quả hoạt động giám sát và đánh giá độc lập, báo cáo hoạt động hoặc có thể tham vấn ý kiến của tổ chức tư vấn độc lập có năng lực, kinh nghiệm phù hợp trước khi thực hiện trách nhiệm xác nhận điều kiện quy định tại mục 1.

PHẦN IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân thành phố

- Căn cứ Nghị quyết thông qua Đề án thành lập Quỹ Đầu tư mạo hiểm, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định thành lập Quỹ, phê duyệt Điều lệ Quỹ, quy chế đầu tư của Quỹ;
- Quyết định việc cử đại diện của thành phố tham gia Hội đồng quản trị của Quỹ.
- Giao đơn vị chủ trì kêu gọi nhà đầu tư đồng hành tham gia góp vốn tại Quỹ.
- Bố trí nguồn vốn và tỷ lệ góp vốn điều lệ từ ngân sách thành phố tại Quỹ.

- Thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn nhà nước tại Quỹ theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Quản lý nhà nước đối với hoạt động Quỹ.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý tài chính đối với phần vốn góp bằng ngân sách thành phố.

- Tham mưu bố trí nguồn vốn từ ngân sách thành phố theo Đề án thành lập Quỹ được phê duyệt, Điều lệ quỹ và Hợp đồng góp vốn.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động của Quỹ.

- Đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn của nhà nước tại Quỹ.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính báo cáo định kỳ hằng năm và đột xuất gửi Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan về kết quả và tình hình hoạt động đầu tư của Quỹ theo quy định.

4. Đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn nhà nước tại Quỹ

- Thực hiện các quyền, nghĩa vụ của đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn nhà nước tại Quỹ; tham gia Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị về hoạt động của Quỹ.

- Đại diện vốn nhà nước tại quỹ được quyền thay mặt Ủy ban nhân dân thành phố biểu quyết các nội dung liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân thành phố tại Đại hội cổ đông.

- Đại diện vốn nhà nước tại Quỹ có trách nhiệm thực hiện giám sát thường xuyên thông qua các báo cáo định kỳ của Công ty quản lý Quỹ và đột xuất (khi cần thiết) đối với toàn bộ hoạt động của Công ty quản lý Quỹ.

- Xin ý kiến Ủy ban nhân dân thành phố các nội dung biểu quyết tại Đại hội cổ đông.

- Hằng quý, hằng năm, trên cơ sở báo cáo kết quả hoạt động năm đã được thông qua bởi Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông, đại diện phần vốn góp của Nhà nước có trách nhiệm báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ với Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố: thành viên tham gia vào Ban kiểm soát hoặc Ban tư vấn thực hiện hoạt động tư vấn, giám sát các hoạt động đầu tư của Quỹ.

6. Đối với doanh nghiệp, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp

Chủ động đề xuất dự án, phối hợp với Quỹ trong các hoạt động đầu tư, ươm tạo và kết nối thị trường./.